

Số: 220/BC-UBND

Ia Pa, ngày 30 tháng 7 năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; hoạt động khai thác cát, đất, đá, sỏi và quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020**

### **A. KHÁI QUÁT CHUNG**

Huyện Ia Pa nằm về phía Đông Nam tỉnh Gia Lai, theo kết quả kiểm kê đất năm 2019 có diện tích tự nhiên là 86.859,5ha, trong đó: Đất nông nghiệp là 79.900,7 ha, chiếm 91,98%; Đất phi nông nghiệp là 3.992,3 ha, chiếm 4,59%; Đất chưa sử dụng là 2.966,6 ha, chiếm 3,41%. Có 9 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện, với dân số 58.500 nhân khẩu, trong đó dân tộc thiểu số là 43.290 nhân khẩu, chiếm 74% trên tổng dân số huyện.

Là huyện thuần nông, dân trí còn thấp, mặc dù huyện đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai, nhưng việc tiếp cận, hiểu biết quy định về quản lý, sử dụng đất đai của người dân vẫn còn hạn chế, đặc biệt là hộ đồng bào dân tộc thiểu số; việc chưa nắm được các chính sách, quyền và nghĩa vụ của công dân trong quản lý, sử dụng đất đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sử dụng đất và công tác quản lý của địa phương gặp nhiều khó khăn; tình trạng lấn chiếm đất rừng làm nương tại một số xã trên địa bàn huyện vẫn còn; việc bàn giao đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường cho địa phương quản lý chưa được cụ thể, chỉ thể hiện bằng biên bản, chưa có quyết định thu hồi và giao đất của UBND tỉnh gây khó khăn cho địa phương trong công quản lý.

Trên địa bàn huyện có 03 mỏ cát được UBND tỉnh cấp phép khai thác gồm các mỏ cát: Ia Trok (*Công ty Cổ phần Nhi Hoàng Hưng*), Ia Tul (*Công ty TNHH XD Xuân Hương*), Chư Mố (*Công ty TNHH MTV Toàn Thắng Phát Gia Lai*) cơ bản đáp ứng được nhu cầu về vật liệu xây dựng các công trình lớn, công trình nông thôn mới cũng như nhu cầu sử dụng cát của Nhân dân. Tuy nhiên, do một số xã xa các khu vực mỏ cát nên tình trạng khai thác cát, sỏi tại các địa phương còn diễn ra, chủ yếu là khai thác thủ công xúc bằng xẻng, vận chuyển bằng xe tự chế phục vụ cho việc xây dựng các công trình thiết yếu của các hộ dân như làm chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, làm sân, nền nhà hoặc xây tường rào.

Hiện nay, huyện chưa có mỏ đất cấp phối được cấp phép, nhưng đã đưa vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác năm 2021 (*theo Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh*), chưa được tổ chức đấu giá. Do vậy, các công trình có sử dụng đất cấp phối gặp nhiều khó khăn trong quá trình thi công, gây chậm tiến độ thi công, chất lượng công trình chưa đảm bảo. Việc tự ý hạ độ cao của các hộ trên địa bàn huyện vẫn còn xảy ra, chủ yếu để cải tạo đất phục vụ sản

xuất, lợi dụng việc hạ độ cao của các hộ dân, một số đối tượng, cá nhân có phương tiện máy móc, xe vận chuyển thực hiện các hành vi mua, bán trái phép khoáng sản.

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**I. Việc chấp hành chính sách pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; hoạt động khai thác cát, đất, sỏi.**

### **1.1. Công tác quản lý, sử dụng đất đai.**

1.1.1. Khái quát tình hình quản lý, sử dụng đất đai; việc ban hành phổ biến và triển khai các văn bản pháp luật về đất đai.

UBND huyện ban hành nhiều văn bản<sup>1</sup> chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai thông qua hình thức họp dân và phát tờ rơi, đã thu hút nhiều lượt tham gia. Thông qua việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật đất đai kịp thời, đầy đủ đã góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn tại các cơ quan và UBND các xã để thực hiện tốt hơn công tác quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương; góp phần thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo đúng quy định, quy trình và thời gian.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai còn một số khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện. UBND huyện có văn bản báo cáo đề xuất sửa đổi cho phù hợp trong báo cáo một số nội dung tổ chức thi hành Luật đất đai năm 2013.

### **1.1.2. Việc phê duyệt (điều chỉnh) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.**

Trên cơ sở quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan đến công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức triển khai thực hiện một cách đồng bộ nhằm cụ thể hóa các quy định của pháp luật nhà nước về đất đai, đưa công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện từng bước đi vào nề nếp tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội huyện Ia Pa.

- Về quy hoạch sử dụng đất:

+ Năm 2014, huyện Ia Pa đã hoàn thành việc lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Ia Pa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 18/4/2014.

+ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Ia Pa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/6/2019.

Trên cơ sở đó, UBND huyện đã tổ chức công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại

<sup>1</sup> Văn bản số 326/UBND-VP ngày 23/3/2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện; Văn bản 980/UBND-VP ngày 10/8/2018 về việc tăng cường công tác quản lý đất đai, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện; Văn bản số 1539/UBND-VP ngày 13/9/2019 về việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 01/6/2020 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 06/12/2019 của Chính phủ về thực hiện Nghị định 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019

chúng theo đúng quy định nhằm tạo sự đồng thuận chung trong tổ chức thực hiện, đồng thời phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các xã để triển khai công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo đúng quy định pháp luật về đất đai, làm cơ sở thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Về kế hoạch sử dụng đất: Hàng năm huyện Ia Pa đều triển khai đăng ký kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt. Việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm là cơ sở thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất. Từ năm 2016 đến năm 2020, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm và được phê duyệt theo quy định.

+ Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, UBND huyện đã công bố công khai tại trụ sở UBND huyện, trụ sở UBND các xã và trên Trang thông tin điện tử của huyện.

- Công tác lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới cơ bản phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho từng giai đoạn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện có một số biến động thực tế và định hướng ngành lĩnh vực có sự khác nhau do có sự chênh lệch theo các quy định về chỉ tiêu sử dụng đất dẫn đến sự đồng bộ chưa cao giữa các loại quy hoạch. Trong giai đoạn 2021-2030, UBND huyện đang tiến hành tổ chức rà soát và điều chỉnh để đảm bảo mức tối đa đồng bộ hóa giữa hai loại quy hoạch nhằm tăng chất lượng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thực hiện theo Nghị quyết 01-NQ-ĐH ngày 19/8/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Ia Pa lần thứ XVIII và một số nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch đã đề ra cho phù hợp chung trong giai đoạn tiếp theo.

1.1.3. Tình hình, kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và tái định cư, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

- Tình hình thu hồi đất: Tổng diện tích đất thu hồi, bồi thường, GPMB là 328.756,96 m<sup>2</sup>, để thực hiện 13 dự án, trong đó:

+ Đất ở: 360 m<sup>2</sup>;

+ Đất nông nghiệp: 328.396,96 m<sup>2</sup>;

+ Số hộ bị ảnh hưởng: 279 hộ;

- Tình hình giao đất, cho thuê đất: Giao lại 05 lô đất ở, diện tích 2.700 m<sup>2</sup>, cho người dân bị thu hồi đất có nhu cầu sử dụng đất tại Trung tâm huyện để xây dựng nhà ở; không có hồ sơ cho thuê đất.

- Việc tổ chức và thực hiện kết quả đấu giá quyền sử dụng đất: Giao đất thông qua hình thức đấu giá: 12 lô, diện tích 4.500 m<sup>2</sup>, thu nộp ngân sách 2.098,300 triệu đồng (Có danh sách kèm theo).

- Việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của

Chính phủ và việc quản lý sử dụng nhà, đất công (bao gồm đất được bàn giao cho UBND cấp huyện, UBND cấp xã quản lý). Không có.

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất từ các loại đất nông nghiệp sang đất ở: (có phụ lục 09 kèm theo).

1.1.4. Việc quản lý, sắp xếp, sử dụng đất sau cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước. Không thuộc thẩm quyền cấp huyện.

1.1.5. Tình hình vi phạm pháp luật về đất đai như: sử dụng đất sai mục đích; tự ý hiến đất mở đường rồi phân lô bán nền; lấn chiếm đất công; chuyển mục đích sử dụng đất sai quy hoạch, kế hoạch; chuyển nhượng đất đai trái phép; có dấu hiệu vi phạm pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; vi phạm thời hạn sử dụng đất theo Luật Đất đai. Không có.

## **2. Công tác quản lý đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường.**

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc đổi tên Ban Quản lý rừng phòng hộ Ayun Pa thành Ban quản lý rừng phòng hộ Ia Tul trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Biên bản bàn giao ngày 25/8/2020 về việc bàn giao diện tích đất, rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Ayun Pa quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng, khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật, giữa Tổ công tác của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan chuyên môn, UBND các xã của UBND huyện Ia Pa và Ban QLRPH Ia Tul (BQLRPH Ayun Pa cũ).

Trên cơ sở biên bản bàn giao đất sản xuất nông nghiệp nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn huyện Ia Pa có tổng diện tích 9.584,14 ha, trong đó diện tích đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng là 4.724,82 ha, diện tích đất trong quy hoạch là 4.859,32 ha (trong đó diện tích đất có rừng là 3.156,83 ha; diện tích chưa có rừng là 1.702,49 ha). Nhưng chưa có quyết định giao đất cho huyện quản lý.

- Trên địa bàn huyện không có trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; thu hồi đất; cấp Giấy CNQSD đất có nguồn gốc đất nông, lâm trường;

## **3. Hoạt động khai thác cát, đất, đá, sỏi.**

3.1. Việc lập, phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác cát, đất, đá, sỏi và kết quả thực hiện.

Từ 2015, huyện có 04 mỏ cát, các Công ty đã lập phương án thăm dò, khai thác và trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.2. Việc cấp phép thăm dò, khai thác cát, đất, đá, sỏi, thu hồi khai thác cát, đất, đá, sỏi từ các dự án nạo vét, khơi thông luồng trên địa bàn. Không có.

3.3. Việc chấp hành các quy định pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác đối với đơn vị được cấp phép.

Các Doanh nghiệp được cấp phép trong hoạt động thăm dò, khai thác cát chấp hành các quy định pháp luật.

Với nhiệm vụ được giao và trách nhiệm đã được quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của cấp trên, UBND huyện đã thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với 03 mỏ cát được UBND tỉnh cấp phép khai thác gồm các mỏ cát đang hoạt động: Ia Trok (Công ty Cổ phần Nhi Hoàng Hưng), Ia Tul (Công ty TNHH XD Xuân Hương), Chư Mố (Công ty TNHH MTV Toàn Thắng Phát Gia Lai), để kịp thời ngăn chặn các hoạt động khai thác trái phép cát, sỏi và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nhìn chung các mỏ cát trên đã hoạt động khai thác cát đảm bảo đúng vị trí, phạm vi ranh giới đã được cấp phép. Các mỏ cát được cấp phép hoạt động tại huyện chủ yếu nằm trải dài theo con Sông Ba, tình hình khai thác được thực hiện đảm bảo theo báo cáo tác động môi trường đã được tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, việc vận chuyển cát đã ảnh hưởng tới môi trường, an toàn giao thông và đời sống của người dân, vì việc khai thác được thực hiện mức hoặc hút trực tiếp đưa lên các xe vận chuyển, chưa được tập kết lên sân bãi để lượng nước được thẩm thấu tại chỗ và làm khô cát trước khi vận chuyển, do đó lượng nước còn đọng trên xe chở cát, khi lưu thông gây ướt và bụi bẩn làm ảnh hưởng nhất định đến môi trường, gây ướt mặt đường, trơn, đặc biệt dọc tuyến đường có nhà dân sinh sống, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn.

3.4. Tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra đã được thực hiện trong thời gian qua.

- Năm 2017, đã phối hợp với Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Đức Long Gia Lai với số tiền 50 triệu đồng về hành vi không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ đối với hoạt động khai thác chì kẽm tại xã Chư Mố, huyện Ia Pa.

- Năm 2018, UBND huyện đã phối hợp với Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra tình hình hoạt động của 02 (hai) dự án khai thác cát xây dựng tại xã Ia Broãi của Công ty TNHH XD Xuân Hương và tại xã Ia Trok của Công ty TNHH MTV Công Thắng Gia Lai. Qua đó, nhắc nhở, yêu cầu chủ các dự án khắc phục các tồn tại như: cấm lại mốc ranh giới khu vực dự án, lập thủ tục thuê đất của dự án, thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ, báo cáo định kỳ về hoạt động khai thác khoáng sản.

## **II. Việc chấp hành chính sách pháp luật trong quản lý đầu tư xây dựng**

*(theo biểu mẫu đính kèm).*

## **III. Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 -2020.**

1. Công tác cấp giấy phép xây dựng trong năm 2016 - 2020: Tổng số 74 giấy phép (Trong đó: Năm 2016: 31 giấy phép; năm 2017: 13 giấy phép; năm 2018: 17 giấy phép; năm 2019: 7 giấy phép và năm 2020: 6 giấy phép).

2. Tình hình quản lý trật tự xây dựng: Công tác kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm và kịp thời các vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định pháp luật:

- Năm 2019: Xử lý vi phạm 3 trường hợp (01 vi phạm về chỉ giới xây dựng, 02 vi phạm về đất không được phép xây dựng). Kết quả: Đã di dời vị trí xây dựng đảm bảo chỉ giới xây dựng và điều chỉnh đất đảm bảo được phép xây dựng.

- Năm 2020: Xử lý vi phạm 1 trường hợp về chỉ giới xây dựng. Kết quả: đã di dời vị trí móng đảm bảo đúng chỉ giới xây dựng.

#### **IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

##### **1. Về những kết quả đạt được**

- Trong những năm qua các cơ quan, tổ chức cá nhân trên địa bàn đã thực hiện việc chấp hành tốt pháp luật về đất đai, hoạt động khai thác cát đảm bảo đúng vị trí, phạm vi ranh giới đã được cấp phép.

- Công tác thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn huyện được thực hiện đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nâng cao hành lang pháp lý về quy hoạch tại địa phương ngày càng đầy đủ, hoàn thiện hơn phục vụ tốt hơn trong công tác quản lý đất đai.

- Hoàn thành việc lập Kế hoạch sử dụng đất và thống kê đất đai hàng năm. Đã tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020 trên địa bàn huyện. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai và xây dựng Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019 đúng theo tiến độ quy định.

- Tỷ lệ cấp GCNQSD đất trên địa bàn huyện đạt 89% diện tích cần cấp GCNQSD đất.

##### **2. Tồn tại, hạn chế**

###### **2.1. Công tác quản lý đất đai.**

+ Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc triển khai thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn vẫn còn một số nội dung pháp luật về đất đai chưa được quy định cụ thể; một số nội dung mặc dù đã có quy định nhưng khó khả thi vì chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn. Khó khăn khi giải quyết đối với trường hợp phát sinh các dự án, công trình chưa có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện do chưa có quy định về việc điều chỉnh kế hoạch.

+ Thiếu sự quan tâm chỉ đạo và sự buông lỏng quản lý của Cấp ủy và Chính quyền một số xã, dẫn đến tình trạng vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn có chiều hướng gia tăng và phức tạp. Tình trạng lấn chiếm, làm nhà trái phép trên đất nông nghiệp, vi phạm hành lang, chuyển đổi, chuyển nhượng đất ở, đất nông nghiệp không đúng pháp luật, không đúng thẩm quyền, gây khó khăn cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại tố cáo trên địa bàn, làm ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế xã hội.

+ Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai đã được triển khai nhưng chưa được thường xuyên và sâu rộng trong quần chúng nhân dân, các hình thức tuyên truyền chưa được phong phú. Một số ngành, địa phương chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tuyên truyền phổ biến giáo dục Pháp luật trong lĩnh vực đất đai, mặt khác với đặc điểm dân số huyện thuần nông, có hơn

70% là người đồng bào DTTS, đa số chưa thông thạo tiếng phổ thông, trình độ dân trí thấp nên mức độ nhận thức còn hạn chế.

+ Ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của một bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân còn hạn chế.

+ Những vấn đề phát sinh tại sơ sở chưa được giải quyết kịp thời.

## 2.2. Công tác quản lý hoạt động khai thác cát, đất, sỏi.

+ Công tác phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm trong việc khai thác trái phép khoáng sản chưa được thường xuyên, dẫn đến việc khai thác, mua, bán trái phép khoáng sản còn diễn ra.

+ Việc xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với việc tận dụng hạ độ cao san lấp mặt bằng của các hộ dân.

+ Công tác xử lý các phương tiện tham gia giao thông, đặc biệt các xe vận chuyển cát gây ô nhiễm môi trường, chở quá tải chưa được triệt để.

## 2.3. Công tác cấp giấy phép, quản lý trật tự xây dựng

- Khi xây dựng nhà ở riêng lẻ thuộc công trình miễn GPXD thì không phải gửi thông báo khởi công, hồ sơ thiết kế theo quy định đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng để quản lý. Do đó, khó khăn trong công tác kiểm soát việc khởi công xây dựng cũng như công tác hoàn công đối với trường hợp công trình được miễn giấy phép xây dựng.

- Quản lý về xây dựng đối với loại công trình kết hợp 2 loại công trình trở lên (như công trình nhà ở kết hợp công trình chăn nuôi, công trình nông nghiệp kết hợp công trình năng lượng) chưa có quy định cụ thể.

## 3. Nguyên nhân:

+ Cấp ủy, chính quyền một số xã chưa thật sự quan tâm đúng mức đến công tác quản lý đất đai tại địa phương.

+ Kinh phí hoạt động cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật còn nhiều hạn chế.

+ Chưa quan tâm đầu tư đúng mức cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục Pháp luật, có làm nhưng chưa thường xuyên.

+ Ở một số xã, bản đồ đã đo đạc từ nhiều năm, nhiều thửa đất không được đo đạc chi tiết hoặc sai lệch giữa hiện trạng và giấy tờ về quyền sử dụng đất.

+ Việc thu thập thông tin, tài liệu có liên quan phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra gặp nhiều khó khăn do quy định, điều kiện về lưu trữ hồ sơ những năm trước đây chưa được quan tâm. Việc xác minh về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất phục vụ cho công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai gặp rất nhiều khó khăn.

+ Ngân sách dành cho công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực khoáng sản chưa đảm bảo.

+ Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản mặc dù đã được sửa đổi bổ sung nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa rõ ràng. Lực

lượng làm công tác khoáng sản, môi trường còn thiếu, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng kinh nghiệm còn có phần hạn chế.

## V. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ.

### 1. Khó khăn, vướng mắc.

- Bản đồ địa chính đã được đo đạc qua nhiều năm đã có nhiều biến động chưa được chỉnh lý kịp thời do đó cũng gặp không ít khó khăn trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- So với nhiệm vụ quản lý đất đai được quy định trong pháp luật thì bộ máy hiện nay, đặc biệt là ở địa phương không đủ về số lượng, vị trí việc làm (*chưa tính chất lượng đội ngũ hiện có*) để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý đất đai còn thiếu về số lượng và thường trong tình trạng quá tải, nhất là cán bộ ở cơ sở. Hồ sơ, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý đất đai còn chưa đáp ứng đủ để thực hiện tốt khối lượng công việc được giao.

### 2. Kiến nghị, đề xuất.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh mở các lớp tập huấn công tác chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ công chức thuộc ngành tài nguyên và môi trường, để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Quan tâm đầu tư trang thiết bị, máy móc: Máy GPS và máy toàn đạc điện tử,... để phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai, thiết lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất đầy đủ, chính xác tạo điều kiện để giải quyết những ách tắc trong công tác giải phóng mặt bằng, giao đất và thu hồi đất. Hàng năm bố trí kinh phí thống kê, đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính.

- Hỗ trợ kinh phí để đo đạc tập trung, khép kín, hoàn thiện hồ sơ dữ liệu ngành Tài nguyên Môi trường.

Trên đây là báo cáo việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; hoạt động khai thác cát, đất, đá, sỏi và quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020 của UBND huyện Ia Pa, báo cáo UBND tỉnh (*qua Thanh tra tỉnh*) tổng hợp theo quy định. /.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT huyện;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Phòng TN-MT huyện;
- Thanh tra huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quốc Tuấn

**PHỤ LỤC 6**  
**TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN 31/12/2020**  
 (Kèm theo báo cáo số 220/BC-UBND ngày 20/3/2021... của UBND huyện)

| STT | Họ và tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá | Địa chỉ liên lạc                      | Tổng số người tham gia đấu giá | Lô đất số | Tên đường  | Thửa đất số | Diện tích | Giá khởi điểm | Giá trúng đấu giá | Tiền đặt trước | Số tiền đã nộp | Số Tiền chưa nộp | Thời gian nộp chậm | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|-----------|------------|-------------|-----------|---------------|-------------------|----------------|----------------|------------------|--------------------|---------|
| I   | Tên đơn vị: UBND huyện Ia Pa             |                                       |                                |           |            |             |           |               |                   |                |                |                  |                    |         |
| A1  | Tên dự án A                              |                                       |                                |           |            |             |           |               |                   |                |                |                  |                    |         |
| 1   | Dương Phan Long                          | Công an huyện Ia Pa                   | 2                              | 9         | Hùng Vương | 9           | 300       | 136,800,000   | 137,100,000       | 13,680,000     | 137,100,000    | 0                | 0                  |         |
| 2   | Lê Hồng Tiến                             | Công an huyện Ia Pa                   | 2                              | 10        | Hùng Vương | 10          | 300       | 136,800,000   | 137,100,000       | 13,680,000     | 137,100,000    | 0                | 0                  |         |
| 3   | Hà Văn Tín                               | An Lạc 2, Mỹ Hòa, Phù Mỹ, BD          | 2                              | 11        | Hùng Vương | 11          | 300       | 136,800,000   | 137,100,000       | 13,680,000     | 137,100,000    | 0                | 0                  |         |
| 4   | Lê Thị Hoa                               | Ấp 1 Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai | 2                              | 14        | Hùng Vương | 14          | 300       | 136,800,000   | 137,100,000       | 13,680,000     | 137,100,000    | 0                | 0                  |         |
| 5   | Phạm Văn Nhận                            | 140 Lê Hồng Phong, AyunPa             | 2                              | 17        | Hùng Vương | 17          | 300       | 136,800,000   | 137,400,000       | 13,680,000     | 137,400,000    | 0                | 0                  |         |
| 6   | Nguyễn Thị Nhẫn                          | Kim Năng 1, Ia Mron, Ia Pa            | 4                              | 18        | Hùng Vương | 18          | 300       | 136,800,000   | 138,300,000       | 13,680,000     | 138,300,000    | 0                | 0                  |         |
| 7   | Phạm Duy Đông                            | Bình Hòa, Chư Răng, Ia Pa             | 4                              | 25        | Hùng Vương | 25          | 300       | 136,800,000   | 139,800,000       | 13,680,000     | 139,800,000    | 0                | 0                  |         |
| 8   | Trương Quốc Đạt                          | Hlil 2, Ia Mron, Ia Pa                | 2                              | 44        | Hùng Vương | 44          | 300       | 136,800,000   | 137,100,000       | 13,680,000     | 137,100,000    | 0                | 0                  |         |
| 9   | Nguyễn Thái Sơn                          | Tổ 8, P. Sông Bờ, TX AyunPa           | 3                              | 32        | Hùng Vương | 32          | 150       | 68,400,000    | 75,400,000        | 6,840,000      | 75,400,000     | 0                | 0                  |         |
| 10  | Nguyễn Thái Sơn                          | Tổ 8, P. Sông Bờ, TX AyunPa           | 3                              | 33        | Hùng Vương | 33          | 150       | 68,400,000    | 76,200,000        | 6,840,000      | 76,200,000     | 0                | 0                  |         |
| 11  | Đào Duy Lực                              | TT Phú Thiện, huyện Phú Thiện         | 2                              | 34        | Hùng Vương | 34          | 150       | 68,400,000    | 68,600,000        | 6,840,000      | 68,600,000     | 0                | 0                  |         |
| 12  | Đào Duy Lực                              | TT Phú Thiện, huyện Phú Thiện         | 2                              | 35        | Hùng Vương | 35          | 150       | 68,400,000    | 68,600,000        | 6,840,000      | 68,600,000     | 0                | 0                  |         |

| STT              | Họ và tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá                      | Địa chỉ liên lạc                           | Tổng số người tham gia đấu giá | Lô đất số | Tên đường  | Thửa đất số | Diện tích | Giá khởi điểm | Giá trúng đấu giá | Tiền đặt trước | Số tiền đã nộp | Số Tiền chưa nộp | Thời gian nộp chậm | Ghi chú |
|------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|-----------|------------|-------------|-----------|---------------|-------------------|----------------|----------------|------------------|--------------------|---------|
| 13               | Bùi Văn Tú, SN 1990,<br>CMND 173379035<br>Thanh Hóa 03/6/2013 | Đội 2, xã Pờ Tó, Ia Pa                     | 4                              | 36        | Hùng Vương | 36          | 150       | 68,400,000    | 80,000,000        | 6,840,000      | 80,000,000     | 0                | 0                  |         |
| 14               | Bùi Văn Tú                                                    | Đội 2, xã Pờ Tó, Ia Pa                     | 3                              | 37        | Hùng Vương | 37          | 150       | 68,400,000    | 77,600,000        | 6,840,000      | 77,600,000     | 0                | 0                  |         |
| 15               | Đỗ Xuân Vũ, SN 1972,<br>CMND 93060605<br>Qkhu 5 15/12/2016    | Ban CHQS huyện Ia Pa                       | 4                              | 38        | Hùng Vương | 38          | 150       | 68,400,000    | 69,000,000        | 6,840,000      | 69,000,000     | 0                | 0                  |         |
| 16               | Nguyễn Đình Chiến                                             | Thôn Mơ Nang 1, Kim Tân, Ia Pa             | 4                              | 39        | Hùng Vương | 39          | 150       | 68,400,000    | 69,000,000        | 6,840,000      | 69,000,000     | 0                | 0                  |         |
| 17               | Nguyễn Thị Tố Ngân                                            | Trần Hưng Đạo, TX Ayun Pa                  | 4                              | 40        | Hùng Vương | 40          | 150       | 68,400,000    | 69,000,000        | 6,840,000      | 69,000,000     | 0                | 0                  |         |
| 18               | Nguyễn Thị Tố Ngân                                            | Trần Hưng Đạo, TX Ayun Pa                  | 6                              | 41        | Hùng Vương | 41          | 150       | 68,400,000    | 69,400,000        | 6,840,000      | 69,400,000     | 0                | 0                  |         |
| 19               | Phạm Văn Linh                                                 | Thôn Lil 2, xã Ia Mron, Ia Pa              | 2                              | 42        | Hùng Vương | 42          | 300       | 136,800,000   | 137,400,000       | 13,680,000     | 137,400,000    | 0                | 0                  |         |
| 20               | Phạm Văn Nhận                                                 | 140 Lê Hồng Phong, p. Đoàn Kết, TX Ayun Pa | 2                              | 43        | Hùng Vương | 43          | 300       | 136,800,000   | 137,100,000       | 13,680,000     | 137,100,000    | 0                | 0                  |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                               |                                            | 59                             |           |            |             | 4,500     | 2,052,000,000 | 2,098,300,000     | 205,200,000    | 2,098,300,000  |                  |                    |         |

## Phục lục số 09

## DANH MỤC CÁC HỒ SƠ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2020

(Kèm theo Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 30/.../2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa)

| STT        | Chủ sử dụng đất                            | Địa chỉ thửa đất           | Số thửa | Số tờ    | Diện tích đã cấp GCN (m2) |              |                |          | Đất chuyển MD (m2) |                 | Ngày. T.N<br>nhận HS | Ngày. T.N<br>hoàn thành | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------------|----------------------------|---------|----------|---------------------------|--------------|----------------|----------|--------------------|-----------------|----------------------|-------------------------|---------|
|            |                                            |                            |         |          | Tổng                      | Đất ở        | Đất NN         | Đất khác | DT                 | Từ đất-sang đất |                      |                         |         |
|            | <b>Huyện Ia Pa</b>                         |                            |         |          | <b>199,310</b>            | <b>1,240</b> | <b>198,070</b> | <b>-</b> | <b>18,288</b>      |                 |                      |                         |         |
| <b>II</b>  | <b>Năm 2016</b>                            |                            |         |          | <b>10593</b>              | <b>0</b>     | <b>10593</b>   | <b>0</b> | <b>1421</b>        |                 |                      |                         |         |
| 1          | Nguyễn Văn Toàn                            | Thôn Đoàn Kết, Chư Răng    | 9       | 4        | 871                       |              | 871            |          | 871                | NHL-CLN         |                      |                         |         |
| 2          | Nguyễn Văn Lộc                             | Thôn Đron, Pờ Tó           | 156     | 47       | 1048                      |              | 1048           |          | 150                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 3          | Hoàng Văn Hiến                             | Thôn Hoa Sen, Ia Mron      | 349, 78 | 18, 17   | 8074                      |              | 8074           |          | 200                | NHK, CLN-ONT    |                      |                         |         |
| 4          | Nguyễn Thanh Phước                         | Thôn Hoa Sen, Ia Mron      | 109a    | 1815b    | 500                       |              | 500            |          | 100                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 5          | Nguyễn Thị Hồng Loan                       | Thôn Bôn Blanh, Ia Tul     | 208     |          | 100                       |              | 100            |          | 100                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| <b>III</b> | <b>Năm 2017</b>                            |                            |         |          | <b>5351.5</b>             | <b>0</b>     | <b>5351.5</b>  | <b>0</b> | <b>1505</b>        |                 |                      |                         |         |
| 1          | Phạm Ngọc Hùng                             | Thôn Ma Rin 2, xã Ia Mron  | 161     | 35       | 394                       |              | 394            |          | 200                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 2          | Lê Đức Tài                                 | Thôn Hoa Sen, xã Ia Mron   | 41C     | 18       | 220                       |              | 220            |          | 80                 | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 3          | Ngô Thị Nhị                                | Thôn Hoa Sen, xã Ia Mron   | 34A     | 18       | 390                       |              | 390            |          | 100                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 4          | Ksor Nghiệp                                | Thôn 3, xã Pờ Tó           | 217A    | 58       | 125                       |              | 125            |          | 125                | LUK-ONT         |                      |                         |         |
| 5          | Đặng Hữu Phai                              | Thôn Đoàn Kết, xã Ia Mron  | 581     | 29       | 1376                      |              | 1376           |          | 250                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 6          | Hoàng Văn Hiệp                             | Thôn H'Lil 2, xã Ia Mron   | 191b    | 17       | 480                       |              | 480            |          | 100                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 7          | Nguyễn Thị Diễm                            | Thôn Ma Rin 2, xã Ia Mron  | 229     | 17       | 392                       |              | 392            |          | 50                 | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 8          | Siu H'Sương                                | Thôn Kơ Nia, xã Ia Trok    | 966     | 3        | 299                       |              | 299            |          | 100                | LUK-ONT         |                      |                         |         |
| 9          | Trần Văn Hào                               | Kim Năng 1, xã Ia Mron     | 26B     | 18       | 197.5                     |              | 197.5          |          | 100                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| 10         | Nguyễn Đức Huy                             | Chư Gu, xã Pờ Tó           | 268     | 24       | 245                       |              | 245            |          | 100                | HNK-ONT         |                      |                         |         |
| 11         | Khổng Văn An                               | Thôn 3, xã Kim Tân         | 436     | 24       | 633                       |              | 633            |          | 100                | HNK-ONT         |                      |                         |         |
| 12         | Ksor Krô                                   | Thôn Ma Rin 2, xã Ia Mron  | 385     | 35       | 100                       |              | 100            |          | 100                | HNK-ONT         |                      |                         |         |
| 13         | Nguyễn Thành Chung                         | Thôn 3, xã Kim Tân         | 576     | 24       | 500                       |              | 500            |          | 100                | CLN-ONT         |                      |                         |         |
| <b>IV</b>  | <b>Năm 2018</b>                            |                            |         |          | <b>55049.1</b>            | <b>640</b>   | <b>54409.1</b> | <b>0</b> | <b>5425</b>        |                 |                      |                         |         |
| 1          | Đặng Duy Khương                            | Thôn Đkun, xã Pờ Tó        | 2       | Trích đo | 694                       |              | 694            |          | 180                | CLN-ONT         | 26/6/2018            | 23/8/2018               |         |
| 2          | Đặng Xuân Việt                             | Thôn Klá, xã Pờ Tó         | 498     | 52       | 1318                      |              | 1318           |          | 200                | CLN-ONT         | 24/9/2018            | 30/10/2018              |         |
| 3          | Ksor H'Deng                                | Thôn Mơ Năng 1, xã Kim Tân | 1274    | 34       | 1410                      |              | 1410           |          | 200                | NHK-ONT         | 7/9/2018             | 28/9/2018               |         |
| 4          | Ksor H'Klúp                                | thôn Ma Rin 1, xã Ia Mron  | 172     | 34       | 2665                      |              | 2665           |          | 100                | NHK-ONT         | 12/9/2018            | 11/10/2018              |         |
| 5          | Ngô Thị Tâm                                | Thôn Đkun, xã Pờ Tó        | 1       | Trích đo | 1150                      |              | 1150           |          | 100                | CLN-ONT         | 30/8/2018            | 19/9/2018               |         |
| 6          | Nguyễn Văn Phượng và<br>Phạm Thị Thu Thanh | bôn Biah A, xã Ia Tul      | 155     | 31       | 639                       |              | 639            |          | 100                | NHK-ONT         | 27/8/2018            | 25/9/2018               |         |

| STT | Chủ sử dụng đất                       | Địa chỉ thửa đất                                               | Số thửa | Số tờ      | Diện tích đã cấp GCN (m2) |       |        |          | Đất chuyển MĐ (m2) |                 | Ngày. T.N<br>nhận HS | Ngày. T.N<br>hoàn thành | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------|------------|---------------------------|-------|--------|----------|--------------------|-----------------|----------------------|-------------------------|---------|
|     |                                       |                                                                |         |            | Tổng                      | Đất ở | Đất NN | Đất khác | DT                 | Từ đất-sang đất |                      |                         |         |
| 7   | Rahlan Ngúy và bà Siu H'Mía           | bôn Biah C, xã Ia Tul                                          | 73      | 31         | 1367.5                    |       | 1367.5 |          | 400                | CLN-ONT         | 29/8/2018            | 14/9/2018               |         |
| 8   | Nguyễn Hữu Giác và Nguyễn Thị Tổ Ngân | thôn Hoa Sen, xã Ia Mron                                       | 101a    | 18         | 550                       |       | 550    |          | 100                | CLN-ONT         | 16/8/2018            | 9/11/2018               |         |
| 9   | Nguyễn Văn Thông và Lê Thị Liên       | Ploi H'Bel, xã Ia Kdăm                                         | 315     | 32         | 1248                      |       | 1248   |          | 200                | CLN-ONT         | 23/7/2018            | 6/11/2018               |         |
| 10  | Nguyễn Thế Hưng                       | Đường Hùng Vương, khu Quy hoạch Trung tâm thị trấn huyện Ia Pa | 1253    | 34         | 2339                      |       | 2339   |          | 400                | NHK-ONT         | 4/6/2018             | 10/7/2018               |         |
| 11  | Nguyễn Thị Lý Hường                   | Thôn Klă, xã Pờ Tó                                             | 548     | 52         | 280                       |       | 280    |          | 100                | CLN-ONT         | 11/6/2018            | 13/7/2018               |         |
| 12  | Nguyễn Trường Giang                   | Thôn Đoàn Kết, xã Ia Mron                                      | 453     | 29         | 652                       |       | 652    |          | 100                | NHK-ONT         | 2/7/2018             | 23/8/2018               |         |
| 13  | Đinh Văn Nghị                         | thôn Hoa Sen, xã Ia Mron                                       | 41D     | 18         | 126                       |       | 126    |          | 60                 | CLN-ONT         | 19/11/2018           | 27/12/2018              |         |
| 14  | Doãn Hải Thanh                        | Thôn Kim Năng, xã Ia Mron                                      | 212     | 12         | 250.7                     | 40    | 210.7  |          | 60                 | CLN-ONT         | 26/7/2018            | 31/8/2018               |         |
| 15  | Hoàng Văn Ray                         | Thôn Kơ Nia, xã Ia Trok                                        | 424     | 2          | 1057                      | 100   | 957    |          | 60                 | CLN-ONT         | 6/8/2018             | 31/8/2018               |         |
| 16  | Kpă H'Diêm                            | Bôn Ia Rniw, xã Ia Broăi                                       | 40      | 3          | 3702.2                    |       | 3702.2 |          | 200                | NHK-ONT         | 10/7/2018            | 31/7/2018               |         |
| 17  | Lê Thị Hoa                            | Thôn Mơ Năng I, xã Kim Tân                                     | 1267    | 34         | 2002                      |       | 2002   |          | 100                | LUK-ONT         | 10/7/2018            | 23/8/2018               |         |
| 18  | Nguyễn Đức Thắng                      | Thôn 3, xã Kim Tân                                             | 610     | 24         | 217                       |       | 217    |          | 70                 | CLN-ONT         | 22/6/2018            | 23/8/2018               |         |
| 19  | Nguyễn Thị Thắm                       | Thôn Kim Năng, xã Ia Mron                                      | 179     | 13         | 610                       |       | 610    |          | 100                | NHK-ONT         | 1/8/2018             | 10/9/2018               |         |
| 20  | Nguyễn Thị Thu Thương                 | Thôn Kim Năng, xã Ia Mron                                      | 97a     | 12         | 132                       |       | 132    |          | 50                 | CLN-ONT         | 27/7/2018            | 23/8/2018               |         |
| 21  | Phan Thị Thanh                        | Thôn Kim Năng, xã Ia Mron                                      | 258     | 12         | 514.5                     |       | 514.5  |          | 100                | CLN-ONT         | 25/7/2018            | 23/8/2018               |         |
| 22  | Rahlan H'Guên                         | Thôn H'ilil 2, xã Ia Mron                                      | 298     | 24         | 1719                      | 100   | 1619   |          | 50                 | CLN-ONT         | 12/7/2018            | 23/8/2018               |         |
| 23  | Trần Minh Tài                         | Thôn Đơn, xã Pờ Tó                                             | 196A    | 46         | 1080                      |       | 1080   |          | 100                | CLN-ONT         | 10/7/2018            | 14/8/2018               |         |
| 24  | Trịnh Thị Quyên                       | Thôn Kim Năng, xã Ia Mron                                      | 260     | 12         | 500                       |       | 500    |          | 100                | CLN-ONT         | 27/7/2018            | 23/8/2018               |         |
| 25  | Từ Văn Hoàn                           | Thôn Kliéc A, xã Pờ Tó                                         | 2       | TD 02-2006 | 4080                      | 100   | 3980   |          | 200                | NHK-ONT         | 21/6/2018            | 27/7/2018               |         |
| 26  | Võ Thám và Bùi Thị Lan                | Bôn Trok, xã Ia Trok                                           | 758     | 7          | 876                       | 100   | 776    |          | 50                 | CLN-ONT         | 6/6/2018             | 31/7/2018               |         |
| 27  | Đinh Văn Nghị và Nguyễn Thị Thanh     | Kim Năng I, xã Ia Mron                                         | 122A    | 12         | 234.6                     |       | 234.6  |          | 100                | CLN-ONT         | 26/7/2018            | 23/8/2018               |         |
| 28  | Đinh Thị Phương Thủy                  | Thôn Kim Năng, xã Ia Mron                                      | 184     | 12         | 550                       |       | 550    |          | 100                | CLN-ONT         | 16/10/2018           | 5/11/2018               |         |
| 29  | Đỗ Văn Phường và Nguyễn Thị Ngọc      | Thôn Hoa Sen, xã Ia Mron                                       | 370     | 18         | 585                       |       | 585    |          | 225                | CLN-ONT         | 7/11/2018            | 4/12/2018               |         |
| 30  | Nguyễn Quang Miên và Phạm Thị Tươi    | Thôn Đoàn Kết, xã Chư Răng                                     | 71B     | 5          | 600                       |       | 600    |          | 100                | NHK-ONT         | 30/10/2018           | 28/12/2018              |         |
| 31  | Nguyễn Văn Được                       | Thôn Đoàn Kết, xã Chư Răng                                     | 356     | 8          | 15232                     |       | 15232  |          | 400                | NHK-ONT         | 12/10/2018           | 14/11/2018              |         |
| 32  | Nguyễn Văn Soát và Nguyễn Thị Dân     | Thôn Bình Hòa, xã Chư Răng                                     | 645     | 19         | 250                       |       | 250    |          | 100                | LUK-ONT         | 10/10/2018           | 14/11/2018              |         |
| 33  | Bùi Hoàng Nguyên                      | Thôn Chrôhkô, xã Ia Kdăm                                       | 107     | 47         | 1060.4                    | 200   | 860.4  |          | 300                | CLN-ONT         | 10/12/2018           | 1/2/2019                |         |
| 34  | Nguyễn Thị Hồng Loan                  | Bôn Biah C, xã Ia Tul                                          | 221     | 15         | 750                       |       | 750    |          | 100                | NHK-ONT         | 10/12/2018           | 20/2/2019               |         |

| STT      | Chủ sử dụng đất                          | Địa chỉ thửa đất           | Số thửa | Số tờ    | Diện tích đã cấp GCN (m2) |            |                 |          | Đất chuyển MĐ (m2) |                 | Ngày. T.N<br>nhận HS | Ngày. T.N<br>hoàn thành | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------|----------------------------|---------|----------|---------------------------|------------|-----------------|----------|--------------------|-----------------|----------------------|-------------------------|---------|
|          |                                          |                            |         |          | Tổng                      | Đất ở      | Đất NN          | Đất khác | DT                 | Từ đất-sang đất |                      |                         |         |
| 35       | Tạ Thị Thanh Thảo và<br>Đỗ Trọng Tiến    | Thôn 3, xã Kim Tân         | 498B    | 24       | 640                       |            | 640             |          | 100                | CLN-ONT         | 14/11/2018           | 10/4/2019               |         |
| 36       | Trần Thị Tính                            | Thôn Kliếc A, xã Pờ Tó     | 364     | 46       | 2059.2                    |            | 2059.2          |          | 150                | LUK-ONT         | 18/12/2018           | 11/1/2019               |         |
| 37       | Đặng Đức Thành                           | Thôn Kim Năng, xã Ia Mron  | 219     | 13       | 1045                      |            | 1045            |          | 100                | NHK-ONT         | 26/6/2018            | 3/7/2018                |         |
| 38       | Đặng Duy Khương                          | Thôn Đkun, xã Pờ Tó        | 2       | Trích đo | 864                       |            | 864             |          | 170                | CLN-ONT         | 26/9/2018            | 19/10/2018              |         |
| <b>V</b> | <b>Năm 2019</b>                          |                            |         |          | <b>113970.6</b>           | <b>600</b> | <b>113370.6</b> | <b>0</b> | <b>8877</b>        |                 |                      |                         |         |
| 1        | Đặng Văn Sứ                              | Kim Năng 1, xã Ia Mron     | 48      | 12       | 2087                      |            | 2087            |          | 50                 | CLN-ONT         | 14/01/2019           | 28/01/2019              |         |
| 2        | Đinh Quang Thụy                          | Kim Năng 1, xã Ia Mron     | 68b     | 12       | 2150                      | 150        | 2000            |          | 250                | CLN-ONT         | 11/1/2019            | 18/01/2019              |         |
| 3        | Cao Minh Nhân                            | Đăk Chă-Ia Mron            | 147     | 13       | 480                       |            | 480             |          | 70                 | NHK-ONT         | 14/01/2019           | 28/01/2019              |         |
| 4        | Lê Thị Tâm                               | Kim Năng 1, xã Ia Mron     | 181     | 12       | 250                       |            | 250             |          | 100                | CLN-ONT         | 10/1/2019            | 19/2/2019               |         |
| 5        | Phạm Văn Nghiêm                          | Thôn 3, xã Kim Tân         | 47      | 33       | 374                       |            | 374             |          | 146                | LUK-CLN         | 11/1/2019            | 24/01/2019              |         |
| 6        | Nguyễn Văn Hải                           | Mơ Năng 1, xã Kim Tân      | 1236    | 34       | 138                       |            | 138             |          | 50                 | CLN-ONT         | 11/1/2019            | 19/02/2019              |         |
| 7        | Huỳnh Thị Đoàn Trang                     | Bôn Ia Rniu, xã Ia Broãi   | 175     | 6        | 750                       |            | 750             |          | 100                | NHK-ONT         | 5/4/2019             | 25/4/2019               |         |
| 8        | Ksor H'Mlurh và<br>ông Đinh Nguyễn Thiệu | Plei H'Bel, xã Ia Kdăm     | 325     | 32       | 1151                      |            | 1151            |          | 100                | CLN-ONT         | 5/6/2019             | 26/8/2019               |         |
| 9        | Nguyễn Thị Kim Liên                      | Biah B, xã Ia Tul          | 157     | 31       | 314                       |            | 314             |          | 100                | CLN-ONT         | 31/7/2019            | 4/9/2019                |         |
| 10       | Rahlan H'Djuyên                          | Plei H'Bel, xã Ia Kdăm     | 42      | 29       | 605                       |            | 605             |          | 100                | NHK-ONT         | 19/7/2019            | 26/8/2019               |         |
| 11       | Rơ Ô Thoan                               | Biah B, xã Ia Tul          | 112     | 31       | 1895.2                    |            | 1895.2          |          | 100                | NHK-ONT         | 11/4/2019            | 9/5/2019                |         |
| 12       | Siu H'Je                                 | Plơi Kdăm, Ia Kdăm         | 442     | 10       | 706                       |            | 706             |          | 100                | LUK-CLN         | 25/7/2019            | 26/8/2019               |         |
| 13       | H'Juoill Buôn Yă                         | bôn Tông Ó (nay là bốn Jứ) | 17      | 13       | 446.8                     |            | 446.8           |          | 200                | NHK-ONT         | 15/11/2021           | 13/12/2021              |         |
| 14       | Phạm Văn Linh                            | Thôn H'Bel, xã Ia Kdăm     | 479     | 31       | 3195                      |            | 3195            |          | 200                | NHK-ONT         | 27/11/2019           | 30/12/2019              |         |
| 15       | Phạm Thị Thảo                            | Thôn H'Bel, xã Ia Kdăm     | 477     | 31       | 440                       |            | 440             |          | 100                | NHK-ONT         | 11/12/2019           | 16/01/2020              |         |
| 16       | Nay H'Diếp                               | Biah B, xã Ia Tul          | 197     | 30       | 1369.6                    |            | 1369.6          |          | 200                | NHK-ONT         | 28/11/2019           | 26/12/2019              |         |
| 17       | Ksor Oan                                 | Bôn Tông sê, xã Ia Trok    | 797     | 7        | 2072                      | 150        | 1922            |          | 50                 | CLN-ONT         | 21/11/2019           | 31/12/2019              |         |
| 18       | Phạm Thanh Hiếu                          | Thôn Quý Tân, xã Ia Trok   | 655     | 24       | 398                       | 50         | 348             |          | 100                | CLN-ONT         | 18/12/2019           | 31/12/2019              |         |
| 19       | Đỗ Văn Định                              | Thôn Quý Tân, xã Ia Trok   | 60      | 29       | 400                       | 100        | 300             |          | 50                 | NHK-ONT         | 15/10/2019           | 5/11/2019               |         |
| 20       | Huỳnh Anh Tuấn                           | Ia Mron                    | 33A     | 4        | 1428                      |            | 1428            |          | 100                | CLN-ONT         | 4/2019               | 5/2019                  |         |
| 21       | Trương Văn Công                          | Ia Mron                    | 136A    | 34       | 350                       |            | 350             |          | 100                | CLN-ONT         | 4/2019               | 5/2019                  |         |
| 22       | Đào Quang Dương                          | Ia Mron                    | 116B    | 18       | 348                       |            | 348             |          | 100                | CLN-ONT         | 4/2019               | 5/2019                  |         |
| 23       | Ngô Trung Nghĩa                          | Ia Mron                    | 988     | 30       | 847,8                     |            | 847,8           |          | 100                | CLN-ONT         | 1/2019               | 2/2019                  |         |
| 24       | Phạm Ngọc Hùng                           | Ia Mron                    | 31      | 18       | 1,692                     |            | 1,692           |          | 100                | CLN-ONT         | 3/2019               | 4/2019                  |         |
| 25       | Lê Thị Lài                               | Ia Mron                    | 522     | 29       | 300                       |            | 300             |          | 100                | CLN-ONT         | 1/2019               | 2/2019                  |         |
| 26       | Lê Thị Long                              | Ia Mron                    | 480A    | 29       | 624                       |            | 624             |          | 100                | CLN-ONT         | 1/2019               | 2/2019                  |         |
| 27       | Tặng Thị Thiểm                           | Ia Mron                    | 265     | 12       | 710                       |            | 710             |          | 100                | CLN-ONT         | 3/2019               | 4/2019                  |         |
| 28       | Đặng Văn Thừa                            | Chư Răng                   | 287     | 18       | 490                       |            | 490             |          | 150                | CLN-ONT         | 5/2019               | 6/2019                  |         |
| 29       | Đinh Thị Hường                           | Kim Tân                    | 320A    | 6        | 775                       |            | 775             |          | 200                | CLN-ONT         | 3/2019               | 4/2019                  |         |

| STT | Chủ sử dụng đất      | Địa chỉ thửa đất | Số thửa | Số tờ | Diện tích đã cấp GCN (m2) |       |        |          | Đất chuyển MD (m2) |                 | Ngày. T.N<br>nhận HS | Ngày. T.N<br>hoàn thành | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------|---------|-------|---------------------------|-------|--------|----------|--------------------|-----------------|----------------------|-------------------------|---------|
|     |                      |                  |         |       | Tổng                      | Đất ở | Đất NN | Đất khác | DT                 | Từ đất-sang đất |                      |                         |         |
| 30  | Phạm Quang Mạnh      | Kim Tân          | 318     | 18    | 480                       |       | 480    |          | 100                | CLN-ONT         | 3/2019               | 4/2019                  |         |
| 31  | Phạm Văn Nghiêm      | Kim Tân          | 48      | 33    | 440                       |       | 440    |          | 80                 | CLN-ONT         | 1/2019               | 2/2019                  |         |
| 32  | Trịnh Thị Mùi        | Kim Tân          | 49      | 33    | 180                       |       | 180    |          | 50                 | CLN-ONT         | 3/2019               | 4/2019                  |         |
| 33  | Từ Văn Quỳnh         | Pờ Tó            | 194     | 46    | 1113                      |       | 1113   |          | 100                | CLN-ONT         | 5/2019               | 6/2019                  |         |
| 34  | Rah Lan Thoan        | Pờ Tó            | 442     | 66    | 558                       |       | 558    |          | 400                | CLN-ONT         | 5/2019               | 6/2019                  |         |
| 35  | Nguyễn Thành Luân    | Chư Răng         | 1469    | 18    | 723                       |       | 723    |          | 50                 | LUA-ONT         | 6/2019               | 7/2019                  |         |
| 36  | Nguyễn Viết Tiến     | Pờ Tó            | 149b    | 52    | 912                       |       | 912    |          | 150                | CLN-ONT         | 6/2019               | 7/2019                  |         |
| 37  | Ngô Thị Hậu          | Ia Mron          | 79      | 40    | 250                       |       | 250    |          | 100                | CHN-ONT         | 6/2019               | 7/2019                  |         |
| 38  | Trần Tôn Muôn        | Pờ Tó            | 322     | 47    | 750                       |       | 750    |          | 100                | CLN-ONT         | 6/2019               | 7/2019                  |         |
| 39  | Nguyễn Thị Tường     | Ia Mron          | 374b    | 35    | 1,012                     |       | 1,012  |          | 150                | CLN-ONT         | 7/2019               | 8/2019                  |         |
| 40  | Nguyễn Ngọc Nhất     | Ia Mron          | 734     | 23    | 220                       |       | 220    |          | 100                | CLN-ONT         | 7/2019               | 8/2019                  |         |
| 41  | Sử Thị Thanh Nhân    | Ia Mron          | 108A    | 34    | 480                       |       | 480    |          | 150                | CLN-ONT         | 8/2019               | 9/2019                  |         |
| 42  | Sử Thị Hồng Nhung    | Ia Mron          | 426A    | 35    | 204                       |       | 204    |          | 100                | CLN-ONT         | 8/2019               | 9/2019                  |         |
| 43  | Nguyễn Văn Khuyên    | Ia Mron          | 26E     | 18    | 591,6                     |       | 591,6  |          | 100                | CLN-ONT         | 8/2019               | 9/2019                  |         |
| 44  | Rah Lan Phuong       | Ia Mron          | 1008    | 30    | 915                       |       | 915    |          | 100                | CLN-ONT         | 8/2019               | 9/2019                  |         |
| 45  | Từ Thế Nhật          | Pờ Tó            | 194     | 46    | 1,113                     |       | 1,113  |          | 100                | CLN-ONT         | 8/2019               | 9/2019                  |         |
| 46  | Huỳnh Thanh Luận     | Kim Tân          | 1300    | 33    | 374                       |       | 374    |          | 100                | CLN-ONT         | 8/2019               | 9/2019                  |         |
| 47  | Nguyễn Mẫn           | Kim Tân          | 5; 1297 | 33    | 380                       |       | 380    |          | 100                | LUA-ONT         | 8/2019               | 9/2019                  |         |
| 48  | Phạm Văn Nhường      | Pờ Tó            | 440     | 52    | 250                       |       | 250    |          | 250                | CLN-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 49  | Dư Nhựt Quân         | Pờ Tó            | 439     | 46    | 852                       |       | 852    |          | 350                | HNK-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 50  | Trần Thị Mai         | Ia Mron          | 102b    | 18    | 650                       |       | 650    |          | 150                | CLN-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 51  | Đinh Văn Bảy         | Kim Tân          | 846     | 15    | 441                       | 150   | 291    |          | 36                 | CLN-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 52  | Phan Thị Thuý Nga    | Ia Mron          | 30A     | 4     | 10,770                    |       | 10,770 |          | 100                | CLN-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 53  | Trần Thị Bình        | Pờ Tó            | 171     | 46    | 6,634                     |       | 6,634  |          | 200                | LUA-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 54  | Lý Thị Bay           | Pờ Tó            | 108     | 45    | 14,133                    |       | 14,133 |          | 400                | LUA-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 55  | Bùi Văn Duy          | Ia Mron          | 177     | 13    | 272                       |       | 272    |          | 135                | CLN-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 56  | Nguyễn Thị Hằng      | Chư Mồ           | 669     | 22    | 218                       |       | 218    |          | 80                 | CLN-ONT         | 9/2019               | 10/2019                 |         |
| 57  | Đào Xuân Anh         | Kim Tân          | 136A    | 24    | 325                       |       | 325    |          | 50                 | CLN-ONT         | 10/2019              | 11/2019                 |         |
| 58  | Trần Văn Tuất        | Pờ Tó            | 417     | 46    | 250,6                     |       | 250,6  |          | 100                | LUA-ONT         | 10/2019              | 11/2019                 |         |
| 59  | Trần Văn Tuất        | Pờ Tó            | 330;331 | 46    | 371                       |       | 371    |          | 100                | LUA-ONT         | 10/2019              | 11/2019                 |         |
| 60  | Võ Văn Hiếu          | Ia Mron          | 72      | 37    | 1000                      |       | 1000   |          | 100                | CHN-ONT         | 10/2019              | 11/2019                 |         |
| 61  | Nguyễn Trường Thanh  | Ia Mron          | 26c     | 18    | 1600                      |       | 1600   |          | 100                | CLN-ONT         | 10/2019              | 11/2019                 |         |
| 62  | Nguyễn Dư            | Ia Mron          | 505A    | 29    | 624                       |       | 624    |          | 70                 | CLN-ONT         | 10/2019              | 11/2019                 |         |
| 63  | Trịnh Ngọc Hiếu Liêm | Ia Mron          | 549     | 29    | 216                       |       | 216    |          | 100                | CLN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| 64  | Nguyễn Thị Tuyết 1   | Ia Mron          | 26b     | 18    | 800                       |       | 800    |          | 100                | CHN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| 65  | Nguyễn Thị Tuyết2    | Ia Mron          | 16a     | 18    | 500                       |       | 500    |          | 60                 | CHN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |

| STT       | Chủ sử dụng đất     | Địa chỉ thửa đất          | Số thửa | Số tờ | Diện tích đã cấp GCN (m2) |          |                |          | Đất chuyển MD (m2) |                 | Ngày. T.N<br>nhận HS | Ngày. T.N<br>hoàn thành | Ghi chú |
|-----------|---------------------|---------------------------|---------|-------|---------------------------|----------|----------------|----------|--------------------|-----------------|----------------------|-------------------------|---------|
|           |                     |                           |         |       | Tổng                      | Đất ở    | Đất NN         | Đất khác | DT                 | Từ đất-sang đất |                      |                         |         |
| 66        | Nguyễn Đức Tâm      | Pờ Tó                     | 169     | 46    | 2930                      |          | 2930           |          | 100                | LUA-ONT         | 10/2019              | 11/2019                 |         |
| 67        | Đinh Đức Vinh       | Pờ Tó                     | 44b     | 46    | 782                       |          | 782            |          | 100                | CLN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| 68        | Dương Thị Tuyết 1   | Ia Mron                   | 415     | 29    | 840                       |          | 840            |          | 100                | CLN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| 69        | Nguyễn Văn Túc      | Kim Tân                   | 06      | 28    | 30000                     |          | 30000          |          | 300                | CLN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| 70        | Lê Văn Anh          | Kim Tân                   | 235     | 23    | 880                       |          | 880            |          | 100                | CLN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| 71        | Nguyễn Thanh Bình   | Ia Mron                   | 74a     | 18    | 250                       |          | 250            |          | 100                | CLN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| 72        | Tạ Quang Thái       | Ia Mron                   | 96a     | 34    | 690                       |          | 690            |          | 50                 | CLN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| 73        | Nguyễn Tấn Phong    | Kim Tân                   | 1229    | 34    | 1900                      |          | 1900           |          | 100                | CLN-ONT         | 11/2019              | 12/2019                 |         |
| <b>VI</b> | <b>Năm 2020</b>     |                           |         |       | <b>14346.1</b>            | <b>0</b> | <b>14346.1</b> | <b>0</b> | <b>1060</b>        |                 |                      |                         |         |
| 1         | Nguyễn Xuân Hương   | Plơi H'Bel, xã Ia Kdăm    | 55      | 29    | 2463                      |          | 2463           |          | 100                | NHK-ONT         | 22/7/2020            | 4/8/2020                |         |
| 2         | Nguyễn Thanh Truyen | Plơi H'Bel, xã Ia Kdăm    | 464     | 31    | 1028                      |          | 1028           |          | 100                | NHK-ONT         | 25/8/2020            | 23/10/2020              |         |
| 3         | Rơ ô Khuit          | Plơi H'Bel, xã Ia Kdăm    | 354     | 32    | 3556.6                    |          | 3556.6         |          | 100                | NHK-ONT         | 3/9/2020             | 23/10/2020              |         |
| 4         | Nguyễn Thị Nga      | Thôn 3, xã Pờ Tó          | 286     | 52    | 958                       |          | 958            |          | 100                | CLN-ONT         | 18/9/2020            | 18/11/2020              |         |
| 5         | Võ Ngọc Nhã         | Thôn Quý Tân, xã Ia Trok  | 670     | 24    | 4074                      |          | 4074           |          | 210                | NHK-ONT         | 22/9/2020            | 18/11/2020              |         |
| 6         | Nguyễn Quốc Trọng   | Thôn Kim Năng, xã Ia Mron | 150     | 12    | 227.5                     |          | 227.5          |          | 50                 | CLN-ONT         | 28/9/2020            | 26/11/2020              |         |
| 7         | Trương Tấn Tín      | Bôn Dlei Bấu, Ia Kdăm     | 91      | 46    | 1832                      |          | 1832           |          | 300                | LUK-ONT         | 23/9/2020            | 14/10/2020              |         |
| 8         | Trần Khắc Nhật      | Thôn Kơ Nia, xã Ia Trok   | 1356    | 8     | 207                       |          | 207            |          | 100                | CLN-ONT         | 28/9/2020            | 29/10/2020              |         |
| 9         | Nguyễn Văn Sơn      | Kim Tân                   | 227     | 23    | 524                       |          | 524            |          | 100                | CLN-ONT         | 01/2020              | 02/2020                 |         |
| 10        | Phạm Chí Hùng 1     | Ia Mron                   | 115     | 13    | 567                       |          | 567            |          | 100                | CHN-ONT         | 01/2020              | 02/2020                 |         |
| 11        | Phạm Chí Hùng 2     | Ia Mron                   | 158     | 13    | 840                       |          | 840            |          | 100                | CHN-ONT         | 01/2020              | 02/2020                 |         |
| 12        | Nguyễn Nam          | Kim Tân                   | 320b    | 6     | 285                       |          | 285            |          | 50                 | CLN-ONT         | 02/2020              | 3/2020                  |         |
| 13        | Nguyễn Thị Lành     | Chư Răng                  | 904     | 49    | 1002                      |          | 1002           |          | 200                | CLN-ONT         | 02/2020              | 3/2020                  |         |
| 14        | Nguyễn Văn Hắc      | Kim Tân                   | 956     | 32    | 2051                      |          | 2051           |          | 100                | CLN-ONT         | 02/2020              | 3/2020                  |         |
| 15        | Nguyễn Viết Mậu     | Chư Răng                  | 71b     | 5     | 480                       |          | 480            |          | 50                 | CHN-ONT         | 02/2020              | 3/2020                  |         |
| 16        | Tân Văn Thiện       | Ia Mron                   | 99a     | 34    | 280                       |          | 280            |          | 100                | CLN-ONT         | 3/2020               | 4/2020                  |         |
| 17        | Hà Văn Nhi          | Ia Mron                   | 532     | 29    | 420                       |          | 420            |          | 50                 | CLN-ONT         | 3/2020               | 4/2020                  |         |
| 18        | Nguyễn Văn Hùng     | Kim Tân                   | 593     | 6     | 3470                      |          | 3470           |          | 600                | CLN-ONT         | 3/2020               | 4/2020                  |         |
| 19        | Trương Thị Huế      | Pờ Tó                     | 366     | 46    | 137                       |          | 137            |          | 137                | LUA-ONT         | 3/2020               | 4/2020                  |         |
| 20        | Lê Trọng Long       | Pờ Tó                     | 608     | 58    | 232,2                     |          | 232,2          |          | 100                | CLN-ONT         | 5/2020               | 6/2020                  |         |
| 21        | Đỗ Quốc Sự          | Kim Tân                   | 372a    | 14    | 300                       |          | 300            |          | 100                | CLN-ONT         | 6/2020               | 7/2020                  |         |
| 22        | Đào Quang Trọng     | Ia Mron                   | 674     | 35    | 2014                      |          | 2014           |          | 200                | CLN-ONT         | 8/2020               | 9/2020                  |         |
| 23        | Nguyễn Đức Trí      | Ia Mron                   | 50      | 4     | 1104                      |          | 1104           |          | 200                | CLN-ONT         | 9/2020               | 10/2020                 |         |
| 24        | Nguyễn Minh Thi     | Ia Mron                   | 246     | 12    | 500                       |          | 500            |          | 100                | HNK-ONT         | 9/2020               | 10/2020                 |         |
| 25        | Nguyễn Xuân Phong   | Ia Mron                   | 346     | 18    | 250                       |          | 250            |          | 100                | CLN-ONT         | 9/2020               | 10/2020                 |         |
| 26        | Phạm Xuân Thìn      | Kim Tân                   | 71a     | 24    | 330                       |          | 330            |          | 100                | CLN-ONT         | 9/2020               | 10/2020                 |         |

| STT | Chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Số thửa | Số tờ | Diện tích đã cấp GCN (m2) |       |        |          | Đất chuyển MĐ (m2) |                 | Ngày. T.N<br>nhận HS | Ngày. T.N<br>hoàn thành | Ghi chú |
|-----|-----------------|------------------|---------|-------|---------------------------|-------|--------|----------|--------------------|-----------------|----------------------|-------------------------|---------|
|     |                 |                  |         |       | Tổng                      | Đất ở | Đất NN | Đất khác | DT                 | Từ đất-sang đất |                      |                         |         |
| 27  | Trần Văn Nghĩa  | Ia Mron          | 130a    | 12    | 720                       |       | 720    |          | 100                | CLN-ONT         | 8/2020               | 9/2020                  |         |
| 28  | Trịnh Thị Nga   | Ia Mron          | 75d     | 12    | 285                       |       | 285    |          | 100                | CLN-ONT         | 8/2020               | 9/2020                  |         |
| 29  | Võ Đình Vũ      | Pờ Tó            | 410     | 66    | 187                       |       | 187    |          | 100                | CLN-ONT         | 8/2020               | 9/2020                  |         |
| 30  | Hoa Xuân Chung  | Kim Tân          | 570     | 24    | 2351                      |       | 2351   |          | 100                | CLN-ONT         | 9/2020               | 10/2020                 |         |
| 31  | Hà Tiến Xuuyên  | Pờ Tó            | 387     | 46    | 1849.9                    |       | 1849.9 |          | 50                 | CHN-ONT         | 10/2020              | 11/2020                 |         |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA

Phụ lục số 28-DT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ( GIAI ĐOẠN 2015-2020)

(Kèm theo Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 30/1/2021 của UBND huyện)

| STT | Tên dự án                                                                                                 | Chủ đầu tư | Thời gian thực hiện dự án     |                    |                       | Các dự án đang thực hiện        |                                  |                            | Các dự án đã quyết toán     |                                |                                           |                                   |                           |                                              | Vốn bổ trợ tới thời điểm lập báo cáo QT | Vốn còn phải thanh toán (nợ) | Vốn phải thu hồi (do dư ứng, giảm trừ KL...) | Thời gian chậm phê duyệt quyết toán (tháng) | Thời gian chậm lập Báo cáo quyết toán (tháng) | Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán                                                                                                             |                           |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------|--------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|     |                                                                                                           |            | Quyết định phê duyệt số       | Tiến độ được duyệt | Nghiệm thu hoàn thành | Giá trị khối lượng đã thực hiện | Giá trị khối lượng đã thanh toán | Giá trị còn phải thực hiện | Ngày lập báo cáo quyết toán | Giá trị CĐT đề nghị quyết toán | Giá trị giảm trừ khi phê duyệt quyết toán | Giá trị Quyết toán được phê duyệt | Tỷ lệ giảm trừ qua QT (%) | Quyết định phê duyệt QT (Số, ngày tháng năm) |                                         |                              |                                              |                                             |                                               | Đơn vị, giai đoạn                                                                                                                                  | Giá trị giảm trừ (nếu có) |
| 1   | 2                                                                                                         | 3          | 4                             | 5                  | 6                     | 7                               | 8                                | 9                          | 10                          | 11                             | 12                                        | 13                                | 14                        | 15                                           | 16                                      | 17                           | 18                                           | 19                                          | 20                                            | 21                                                                                                                                                 | 22                        |
|     | <b>TỔNG SỐ 2015-2020</b>                                                                                  |            |                               |                    |                       |                                 |                                  |                            |                             |                                |                                           |                                   |                           |                                              |                                         |                              |                                              |                                             |                                               |                                                                                                                                                    |                           |
| I   | <b>CÁC DỰ ÁN NHÓM C</b>                                                                                   |            |                               |                    |                       |                                 |                                  |                            |                             |                                |                                           |                                   |                           |                                              |                                         |                              |                                              |                                             |                                               |                                                                                                                                                    |                           |
| 01  | Đường gt xã Ia Trỏk đến xã Chư Mồ                                                                         | UBND huyện | 123/QĐ-SKHĐT, 30/10/2014      | 2015               |                       | 7,498                           | 7,498                            | -                          |                             | 7,498                          | -                                         | 7,498                             |                           | /QĐ-STC                                      | 7,500                                   |                              |                                              |                                             |                                               | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh và Kiểm toán số 64/TB- KV XII ngày 5/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII | 25                        |
| 02  | Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cho thôn Marin 1,2,3 thôn Ma Sang, thôn Đoàn Kết và TT xã Ia Mron | UBND huyện | 149/QĐ-SKHĐT, 18/11/2014      | 2015               |                       | 4,796                           | 4,796                            | -                          |                             | 4,796                          | -                                         | 4,796                             |                           | /QĐ-STC                                      | 4,900                                   |                              |                                              |                                             |                                               | Kiểm toán số 64/TB- KV XII ngày 5/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII                                                                       | 0                         |
| 03  | Trường THCS Phan Đình Phùng                                                                               | UBND huyện | 01/QĐ-UBND Ia Pa, 12/01/2015  | 2015               |                       | 3,749                           | 3,749                            | -                          |                             | 3,749                          | -                                         | 3,749                             |                           | /QĐ-UBND                                     | 3,750                                   |                              |                                              |                                             |                                               | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 | 29                        |
| 04  | Trường MG Sơn Ca NH-4P, NH chức năng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ                                     | UBND huyện | 491/QĐ-UBND Ia Pa, 30/12/2014 | 2015               |                       | 2,693                           | 2,693                            | -                          |                             | 2,693                          | -                                         | 2,693                             |                           | /QĐ-UBND                                     | 2,695                                   |                              |                                              |                                             |                                               | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 |                           |
| 05  | Trường TH Nguyễn Bá Ngọc NH 10 và các hạng mục phụ                                                        | UBND huyện | 490/QĐ-UBND Ia Pa, 30/12/2013 | 2015               |                       | 4,676                           | 4,676                            | -                          |                             | 4,676                          | -                                         | 4,676                             | -                         | /QĐ-UBND                                     | 4,996                                   |                              |                                              |                                             |                                               | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 | 37                        |
| 06  | Đường bê tông xi măng thôn 2 xã Pô Tô HM:Nền, mặt đường và cống thoát nước                                | UBND huyện | 492/QĐ-UBND Ia Pa, 30/12/2014 | 2015               |                       | 1,947                           | 1,947                            | -                          |                             | 1,947                          | -                                         | 1,947                             |                           | /QĐ-UBND                                     | 2,000                                   |                              |                                              |                                             |                                               | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 | 8                         |
| 07  | Đường Bê tông xi măng liên thôn 2-thôn Mơ Năng HM:Nền, mặt đường BTXM                                     | UBND huyện | 15/QĐ-UBND Ia Pa, 10/02/2015  | 2015               |                       | 1,268                           | 1,268                            | -                          |                             | 1,268                          | -                                         | 1,268                             |                           | /QĐ-UBND                                     | 1,300                                   |                              |                                              |                                             |                                               | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 | 10                        |

|    |                                                                                                 |            |                               |           |  |       |       |   |  |       |   |       |          |       |  |  |  |  |                                                                                                                                                    |    |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------|-----------|--|-------|-------|---|--|-------|---|-------|----------|-------|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 08 | Đường btxm liên thôn Ma Rin 1-2-3 Xã Ia Mron HM: Nền, mặt đường và công trình thoát nước.       | UBND huyện | 489/QĐ-UBND Ia Pa, 30/12/2014 | 2015      |  | 1,494 | 1,494 | - |  | 1,494 | - | 1,494 | /QĐ-UBND | 1,500 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 |    |
| 09 | Đường BTXM thôn Bôn Tơ Khê di TBD số 3 HM:Nền, mặt đường và công trình thoát nước               | UBND huyện | 16/QĐ-UBND Ia Pa, 10/02/2015  | 2015      |  | 856   | 856   | - |  | 856   | - | 856   | /QĐ-UBND | 910   |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 |    |
| 10 | Đường BT vào khu sản xuất TBD số 1 xã Chư Mố                                                    | UBND huyện | 355/QĐ-UBND Ia Pa, 31/10/2014 | 2015      |  | 2,183 | 2,183 | - |  | 2,183 | - | 2,183 | /QĐ-UBND | 2,600 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 |    |
| 11 | Đường ra khu sản xuất thôn Bôn Bàu, xã Ia Kđam HM: nền, mặt đường và công trình thoát nước      | UBND huyện | 360/QĐ-UBND Ia Pa, 31/10/2014 | 2015      |  | 2,603 | 2,603 | - |  | 2,603 | - | 2,603 | /QĐ-UBND | 3,050 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 |    |
| 12 | Kiến cổ hóa kênh TBD Chư Mố IHM : Kênh và công trình trên kênh N1 nối dài, N9 nối dài, VC3, VC5 | UBND huyện | 357/QĐ-UBND Ia Pa, 31/10/2014 | 2015      |  | 3,313 | 3,313 | - |  | 3,313 | - | 3,313 | /QĐ-UBND | 4,059 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 | 20 |
| 13 | Trường THCS Lê Lợi                                                                              | UBND huyện | 358/QĐ-UBND Ia Pa, 31/10/2014 | 2015      |  | 2,934 | 2,934 | - |  | 2,934 | - | 2,934 | /QĐ-UBND | 3,500 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 |    |
| 14 | Trạm y tế xã Chư Răng                                                                           | UBND huyện | 428/QĐ-UBND Ia Pa, 15/10/2013 | 2015      |  | 2,050 | 2,050 | - |  | 2,050 | - | 2,050 | /QĐ-UBND | 2,500 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 |    |
| 15 | Trường MG Sơn Ca NH:4P, NH chức năng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ                           | UBND huyện | 491/QĐ-UBND Ia Pa, 30/12/2014 |           |  | 2,059 | 2,059 | - |  | 2,059 | - | 2,059 | /QĐ-UBND | 2,291 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 | 11 |
| 16 | Đường BT liên thôn Voong Boong II xã Chư Răng                                                   | UBND huyện | 123/QĐ-SKHĐT, 30/10/2014      | 2015-2016 |  | 3,483 | 3,483 | - |  | 3,483 | - | 3,483 | /QĐ-UBND | 3,727 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh                                                                                 | 13 |
| 17 | Trường THCS Hai Bà Trưng                                                                        | UBND huyện | 161/QĐ-SKHĐT, 30/10/2015      | 2016      |  | 5,733 | 5,733 |   |  | 5,733 |   | 5,733 | /QĐ-STC  | 6,500 |  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh và Kiểm toán số 64/TB- KV XII ngày 5/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII | 30 |
| 18 | Trạm y tế xã Ia Trók, Ia Mron, Pò Tó. Năm 2016 đầu tư trạm y tế xã Ia Trók, Ia Mron             | UBND huyện | 166/QĐ-SKHĐT, 30/10/2015      | 2016-2017 |  | 5,519 | 5,519 |   |  | 5,519 |   | 5,519 | /QĐ-STC  | 6,293 |  |  |  |  | Kiểm toán số 64/TB- KV XII ngày 5/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII                                                                       |    |

|    |                                                   |            |                             |           |  |       |       |  |  |       |  |       |          |       |  |  |  |                                                                              |    |
|----|---------------------------------------------------|------------|-----------------------------|-----------|--|-------|-------|--|--|-------|--|-------|----------|-------|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------|----|
| 19 | Đường giao thông từ bờ sông Tul đến TĐĐ số 3      | UBND huyện | 570/QĐ-UBND, 28/10/2015     | 2016      |  | 2,650 | 2,650 |  |  | 2,650 |  | 2,650 | /QĐ-UBND | 3,916 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh           |    |
| 20 | Trường THCS Nay Der                               | UBND huyện | 529/QĐ-UBND, 19/10/2015     | 2016      |  | 2,514 | 2,514 |  |  | 2,514 |  | 2,514 | /QĐ-UBND | 2,514 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh           |    |
| 21 | Kiên cố hóa kênh nội đồng TĐĐ Chư Răng 2          | UBND huyện | 592/QĐ-UBND, 28/10/2016     | 2016      |  | 1,149 | 1,149 |  |  | 1,149 |  | 1,149 | /QĐ-UBND | 1,312 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh           | 15 |
| 22 | Kiên cố hóa kênh TĐĐ Ia Brom                      | UBND huyện | 590/QĐ-UBND, 28/10/2015     | 2016      |  | 2,491 | 2,491 |  |  | 2,491 |  | 2,491 | /QĐ-UBND | 2,887 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh           | 10 |
| 23 | Trạm y tế xã Kim Tân                              | UBND huyện | 557/QĐ-UBND, 23/10/2015     | 2016      |  | 2,182 | 2,182 |  |  | 2,182 |  | 2,182 | /QĐ-UBND | 2,377 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 02/KL-SXD ngày 05/02/2018 của Thanh tra Tỉnh           | 20 |
| 24 | Đường BTXM đi khu SX thôn Plei Toan 2, xã Ia Kdam | UBND huyện |                             | 2016-2017 |  | 1,955 | 1,955 |  |  | 1,955 |  | 1,955 | /QĐ-UBND | 1,968 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng      | 0  |
| 25 | Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Kim Tân             | UBND huyện | 518/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 2017      |  | 4,464 | 4,464 |  |  | 4,464 |  | 4,464 | /QĐ-UBND | 4,500 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng      | 8  |
| 26 | Trường THCS Nay Der, xã Chư Mố                    | UBND huyện | 521/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 2017      |  | 2,546 | 2,546 |  |  | 2,546 |  | 2,546 | /QĐ-UBND | 2,700 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng      | 6  |
| 27 | Trường THCS Lương Thế Vinh xã Pô Tô               | UBND huyện | 519/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 2017      |  | 2,688 | 2,688 |  |  | 2,688 |  | 2,688 | /QĐ-UBND | 2,700 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng      | 6  |
| 28 | Trường TH và THCS Đinh Núp, xã Pô Tô              | UBND huyện | 520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 2017      |  | 4,438 | 4,438 |  |  | 4,438 |  | 4,438 | /QĐ-UBND | 4,500 |  |  |  | Kiểm toán số 64/TB- KV XII ngày 5/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII |    |
| 29 | Đường liên thôn Bôn Baih A đến Bôn Blanh          | UBND huyện | 513/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 2017      |  | 1,622 | 1,622 |  |  | 1,622 |  | 1,622 | /QĐ-UBND | 1,530 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng      |    |
| 30 | Kiên cố hóa kênh mương TĐĐ Ia Tul 2               | UBND huyện | 516/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 2017      |  | 1,771 | 1,771 |  |  | 1,771 |  | 1,771 | /QĐ-UBND | 1,800 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng      | 4  |
| 31 | Kiên cố hóa kênh chính B24-4                      | UBND huyện | 517/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 2017      |  | 2,379 | 2,379 |  |  | 2,379 |  | 2,379 | /QĐ-UBND | 2,340 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng      | 4  |
| 32 | Đường bê tông nội thôn Plei Du                    | UBND huyện | 514/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 2017      |  | 3,116 | 3,116 |  |  | 3,116 |  | 3,116 | /QĐ-UBND | 2,880 |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng      | 32 |

|    |                                                              |            |                              |           |  |        |        |  |  |        |  |        |          |        |  |  |  |                                                                               |      |
|----|--------------------------------------------------------------|------------|------------------------------|-----------|--|--------|--------|--|--|--------|--|--------|----------|--------|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33 | Xây dựng 01 trạm cấp nước tập trung thôn H'Bel 2             | UBND huyện | 515/QĐ-UBND ngày 31/10/2016  | 2017      |  | 3,731  | 3,731  |  |  | 3,731  |  | 3,731  | /QĐ-UBND | 3,500  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng       |      |
| 34 | Trạm y tế xã Ia Kdăm                                         | UBND huyện | 522/QĐ-UBND ngày 31/10/2016  | 2017      |  | 2,349  | 2,349  |  |  | 2,349  |  | 2,349  | /QĐ-UBND | 2,250  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng       | 5    |
| 35 | Đường liên thôn Kiểc A-Bi Đông, xã Pô Tô                     | UBND huyện | 511/QĐ-UBND ngày 31/10/2016  | 2017-2018 |  | 5,391  | 5,391  |  |  | 5,391  |  | 5,391  | /QĐ-UBND | 5,400  |  |  |  | Kết luận thanh tra số 25/KL-SXD ngày 8/8/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng       | 10   |
| 36 | Đường bê tông vào khu sản xuất TBD số 2                      | UBND huyện | 616/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 | 2018      |  | 2,204  | 2,204  |  |  | 2,204  |  | 2,204  | /QĐ-UBND | 2,229  |  |  |  | Thanh tra Sở Kế hoạch và đầu tư số: 1673/SKHĐT-TTr ngày 12 tháng 10 năm 2018. |      |
| 37 | Trường THCS Phạm Hồng Thái                                   | UBND huyện | 617/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 | 2018      |  | 1,200  | 1,200  |  |  | 1,200  |  | 1,200  | /QĐ-UBND | 1,200  |  |  |  | Thanh tra Sở Kế hoạch và đầu tư số: 1673/SKHĐT-TTr ngày 12 tháng 10 năm 2018. |      |
| 38 | Kiến cổ hóa kênh nội đồng, sửa chữa kênh chính TBD Plei Toan | UBND huyện | 620/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 | 2018      |  | 1,842  | 1,842  |  |  | 1,842  |  | 1,842  | /QĐ-UBND | 1,852  |  |  |  | Thanh tra Sở Kế hoạch và đầu tư số: 1673/SKHĐT-TTr ngày 12 tháng 10 năm 2018. |      |
| 39 | Trường TH Lê Hồng Phong                                      | UBND huyện | 622/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 | 2018      |  | 2,434  | 2,434  |  |  | 2,434  |  | 2,434  | /QĐ-UBND | 2,451  |  |  |  | Thanh tra Sở Kế hoạch và đầu tư số: 1673/SKHĐT-TTr ngày 12 tháng 10 năm 2018. |      |
| 40 | Kiến cổ hóa kênh nội đồng TBD Chư Mố 2                       | UBND huyện | 621/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 | 2018      |  | 2,423  | 2,423  |  |  | 2,423  |  | 2,423  | /QĐ-UBND | 2,451  |  |  |  | Thanh tra Sở Kế hoạch và đầu tư số: 1673/SKHĐT-TTr ngày 12 tháng 10 năm 2018. |      |
| 41 | Đường bê tông nội thôn Mơ Năng II                            | UBND huyện | 615/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 | 2018-2019 |  | 9,937  | 9,937  |  |  | 2,614  |  | 9,937  | /QĐ-UBND | 9,974  |  |  |  | Kiểm toán số 45/TB- KV XII ngày 9/9/2020 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII   |      |
| 42 | Trường THCS Cù Chính Lan                                     | UBND huyện | 618/QĐ-UBND ngày 30/10/2017  | 2018      |  | 1,200  | 1,200  |  |  | 1,200  |  | 1,200  | /QĐ-UBND | 1,200  |  |  |  | Thanh tra Sở Kế hoạch và đầu tư số: 1673/SKHĐT-TTr ngày 12 tháng 10 năm 2018. |      |
| 43 | Đường liên xã huyện Ia Pa                                    | UBND huyện | 519/QĐ-UBND ngày 31/10/2016  | 2018-2020 |  | 27,633 | 27,633 |  |  | 27,633 |  | 27,633 |          | 29,091 |  |  |  | Kiểm toán số 45/TB- KV XII ngày 9/9/2020 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII   |      |
| 44 | Đường nội thị huyện Ia Pa                                    | UBND huyện | 520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016  | 2018-2020 |  | 28,544 | 28,544 |  |  | 28,544 |  | 28,544 |          | 27,445 |  |  |  | Kiểm toán số 45/TB- KV XII ngày 9/9/2020 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII   |      |
| 45 | Chính trang đô thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai                 | UBND huyện | 142/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018     | 2019-2020 |  | 8,823  | 8,823  |  |  | 8,823  |  | 8,823  |          | 8,838  |  |  |  | Kiểm toán số 45/TB- KV XII ngày 9/9/2020 của Kiểm toán nhà nước khu vực XII   | 3,48 |
| 46 | Trường THCS Cù Chính Lan, xã Ia Kdăm, huyện Ia Pa            | UBND huyện |                              | 2020      |  | 2,657  | 2,657  |  |  | 2,657  |  | 2,657  | /QĐ-UBND | 2,597  |  |  |  |                                                                               |      |